

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: LẮP RÁP - CÀI ĐẶT - BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2	L1	L2	TB Môn	KQ1
								6.0	6.0		
	1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13
1	1223360150	Mạc Duy	An	07/08/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0	Đạt
2	1223360081	Hoàng Kỳ	Anh	19/08/2007	01TM15C1	7.0	8.0	7.0		7.3	Đạt
3	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		7.0	Đạt
4	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		7.0	Đạt
5	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		7.0	Đạt
6	1223360073	Ngô Thanh	Bin	12/04/2007	01TM15C1	5.0	5.0	5.0		5.0	Đạt
7	1223360186	Võ Thành	Công	08/12/2007	01TM15C1	7.0	8.0	6.0		6.7	Đạt
8	1223360268	Bùi Tuấn	Được	27/09/2007	01TM15C1	5.0	5.0	2.0		3.2	Thi lại
9	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1					0.0	Học lại
10	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1			6.0		3.6	Học lại
11	1223360214	Nguyễn Duy Gia	Khánh	07/11/2007	01TM15C1	6.0	6.0	5.0		5.4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2	L1	L2	TB Môn	KQ1
								6.0	6.0		
12	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0	Đạt
13	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01TM15C1	7.0	8.0	7.0		7.3	Đạt
14	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01TM15C1	7.0	8.0	8.0		7.9	Đạt
15	1223360091	Phan Hoài	Minh	26/12/2007	01TM15C1	6.0	7.0	6.0		6.3	Đạt
16	1223360079	Nguyễn Hoàng	Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
17	1223360054	Hà Hoài	Nam	27/08/2004	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0	Đạt
18	1223360092	Lê Trọng	Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		7.0	Đạt
19	1223360239	Phan Thanh	Phong	19/10/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
20	1223360208	Nguyễn Thanh	Phúc	04/10/2007	01TM15C1	6.0	7.0	6.0		6.3	Đạt
21	1223360258	Đỗ Kim	Phúc	28/07/2006	01TM15C1	7.0	7.0	6.0		6.4	Đạt
22	1223360236	Hồ Văn	Phước	07/11/2007	01TM15C1	7.0	8.0	7.0		7.3	Đạt
23	1223360116	Lê Hoàng	Quân	24/01/2007	01TM15C1	6.0	6.0			2.4	Thi lại
24	1223360107	Thượng Văn	Quý	17/11/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
25	1223360255	Trương Đình	Quý	24/03/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2	L1	L2	TB Môn	KQ1
								6.0	6.0		
26	1223360005	Nguyễn Tấn	Sang	02/07/2004	01TM15C1					0.0	Học lại
27	1223360050	Đoàn Duy	Tân	05/01/2007	01TM15C1	6.0	6.0	5.0		5.4	Đạt
28	1223360113	Phan Kim	Tiến	11/04/2007	01TM15C1	5.0	5.0	5.0		5.0	Đạt
29	1223360179	Trần Ngọc	Thiện	02/10/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
30	1223360190	Lâm Quốc	Thịnh	03/12/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
31	1223360045	Trần Nguyễn Quốc	Thuận	14/09/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0	Đạt
32	1223360015	Kim Sang	Trọng	24/07/2006	01TM15C1	7.0	8.0	8.0		7.9	Đạt
33	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	08/06/2007	01TM15C1	5.0	5.0	3.0		3.8	Thi lại
34	1223240082	Nguyễn Hoài	Vinh	30/04/1999	01TM15A1	9.0	9.0	9.0		9.0	Đạt
35	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01TM15A1	7.0	8.0	6.0		6.7	Đạt
36	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15A1	8.0	8.0	8.0		8.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: MÔN NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
37	2223360387	Nguyễn Huỳnh Tuấn Anh	04/01/2004	02TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT				0.0	Học lại
38	2223360519	Nguyễn Quang Duy	10/09/2006	02TM15C1	9.0	9.0	9.0			7.0		7.8	Đạt
39	2223240204	Lâm Sơn Đạt	03/09/2003	02TM15A1	8.0	8.0	8.0			7.0		7.4	Đạt
40	2223360238	Lê Đình Đạt	29/01/2007	02TM15C1	8.0	6.0	6.7			6.0		6.3	Đạt
41	2223360335	Đặng Văn Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	9.0	7.0	7.7			7.0		7.3	Đạt
42	2223240271	Trần Việt Hùng	12/09/2003	02TM15A1	9.0	7.0	7.7			6.0		6.7	Đạt
43	2223360206	Lê Gia Huy	29/06/2006	02TM15C1	7.0	7.0	7.0			6.0		6.4	Đạt
44	2223360243	Lê Quang Huy	06/01/2007	02TM15C1	9.0	6.0	7.0			6.0		6.4	Đạt
45	2223360451	Ngô Anh Kiệt	26/09/2007	02TM15C1	7.0	6.0	6.3					2.5	Thi lại
46	2203360244	Nguyễn Lâm Hữu Kha	02/10/2002	02TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT				0.0	Học lại
47	2223360163	Phạm Minh Khang	01/01/2006	02TM15C1	9.0	6.0	7.0					2.8	Thi lại
48	2223360422	Nguyễn Tuấn Khanh	22/11/2006	02TM15C1	9.0	5.0	6.3			6.0		6.1	Đạt
49	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02TM15A1	7.0	6.0	6.3			7.0		6.7	Đạt
50	2223360391	Hồ Anh Khoa	11/11/2007	02TM15C1	9.0	5.0	6.3			6.0		6.1	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
51	2223360171	Vương Đức	Lộc	03/01/2007	02TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
52	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02TM15C1	9.0	6.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
53	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02TM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
54	2223360511	Phan Thanh	Toàn	25/10/2006	02TM15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
55	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
56	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	Trang	18/12/2007	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
57	2223360551	Nguyễn Minh	Trí	10/11/2007	02TM15C1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
58	2213360177	Trương Quốc	Việt	24/11/2006	02TM15C1	9.0	5.0	6.3		6.0		6.1	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360150	Mạc Duy	An	07/08/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
2	1223360081	Hoàng Kỳ	Anh	19/08/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
3	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
4	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
5	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
6	1223360073	Ngô Thanh	Bin	12/04/2007	01TM15C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
7	1223360186	Võ Thành	Công	08/12/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
8	1223360268	Bùi Tuấn	Được	27/09/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
9	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
10	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
11	1223360214	Nguyễn Duy Gia	Khánh	07/11/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
12	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15C1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
13	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
14	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
15	1223360091	Phan Hoài Minh	26/12/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
16	1223360079	Nguyễn Hoàng Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
17	1223360054	Hà Hoài Nam	27/08/2004	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
18	1223360092	Lê Trọng Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
19	1223360239	Phan Thanh Phong	19/10/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
20	1223360208	Nguyễn Thanh Phúc	04/10/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
21	1223360258	Đỗ Kim Phúc	28/07/2006	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
22	1223360236	Hồ Văn Phước	07/11/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
23	1223360116	Lê Hoàng Quân	24/01/2007	01TM15C1	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
24	1223360107	Thượng Văn Quý	17/11/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
25	1223360255	Trương Đình Quý	24/03/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
26	1223360005	Nguyễn Tấn Sang	02/07/2004	01TM15C1	2.0	2.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại
27	1223360050	Đoàn Duy Tân	05/01/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
28	1223360113	Phan Kim Tiến	11/04/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
29	1223360179	Trần Ngọc Thiện	02/10/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
30	1223360190	Lâm Quốc Thịnh	03/12/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
31	1223360045	Trần Nguyễn Quốc Thuận	14/09/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
32	1223360015	Kim Sang	Trọng	24/07/2006	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
33	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	08/06/2007	01TM15C1	5.0	5.0	5.0		6.0		5.6	Đạt
34	1223240082	Nguyễn Hoài	Vinh	30/04/1999	01TM15A1	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
35	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01TM15A1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
36	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15A1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
37	2223360387	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Anh	04/01/2004	02TM15C1	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
38	2223360519	Nguyễn Quang	Duy	10/09/2006	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
39	2223240204	Lâm Sơn	Đạt	03/09/2003	02TM15A1	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
40	2223360238	Lê Đình	Đạt	29/01/2007	02TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
41	2223360335	Đặng Văn	Hiếu	04/11/2007	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
42	2223240271	Trần Việt	Hùng	12/09/2003	02TM15A1	9.0	8.0	8.3		5.0		6.3	Đạt
43	2223360206	Lê Gia	Huy	29/06/2006	02TM15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
44	2223360243	Lê Quang	Huy	06/01/2007	02TM15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
45	2223360451	Ngô Anh	Kiệt	26/09/2007	02TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
46	2203360244	Nguyễn Lâm Hữu	Kha	02/10/2002	02TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
47	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		6.0		6.9	Đạt
48	2223360422	Nguyễn Tuấn	Khanh	22/11/2006	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
49	2223240021	Lê Quốc	Khánh	22/04/2001	02TM15A1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
50	2223360391	Hồ Anh	Khoa	11/11/2007	02TM15C1	9.0	7.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
51	2223360171	Vương Đức	Lộc	03/01/2007	02TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
52	2223360274	Nguyễn Cao Thế	Minh	07/10/2006	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
53	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02TM15C1	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
54	2223360511	Phan Thanh	Toàn	25/10/2006	02TM15C1	9.0	7.0	7.7		5.0		6.1	Đạt
55	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
56	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	Trang	18/12/2007	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
57	2223360551	Nguyễn Minh	Trí	10/11/2007	02TM15C1	8.0	7.0	7.3		2.0		4.1	Đạt
58	2213360177	Trương Quốc	Việt	24/11/2006	02TM15C1	9.0	8.0	8.3		5.0		6.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: QUẢN TRỊ MẠNG WINDOWS SERVER

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360150	Mạc Duy	An	07/08/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		9.3		8.8	Đạt
2	1223360081	Hoàng Kỳ	Anh	19/08/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		2.7		4.8	Đạt
3	1223360012	Lê Phước Gia	Bảo	14/05/2004	01TM15C1	7.0	8.0	7.7		8.7		8.3	Đạt
4	1223360090	Nguyễn Duy	Bảo	09/09/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.3		6.0	Đạt
5	1223360257	Đỗ Nguyễn Thiên	Bảo	22/09/2007	01TM15C1	6.0	7.0	6.7		5.6		6.0	Đạt
6	1223360073	Ngô Thanh	Bìn	12/04/2007	01TM15C1	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt
7	1223360186	Võ Thành	Công	08/12/2007	01TM15C1	7.0	6.0	6.3		3.8		4.8	Đạt
8	1223360268	Bùi Tuấn	Được	27/09/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
9	1223240042	Trần Tuấn	Kiệt	01/06/2001	01TM15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
10	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01TM15A1	8.0	8.0	8.0		6.2			Thi lại
11	1223360006	Đoàn Minh	Khang	08/08/2006	01TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
12	1223360214	Nguyễn Duy Gia	Khánh	07/11/2007	01TM15C1	8.0	7.0	7.3		4.9		5.9	Đạt
13	1223360192	Võ Trần Đăng	Khôi	22/01/2007	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		9.1		8.7	Đạt
14	1223360193	Võ Minh	Lộc	08/07/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		6.7		6.8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
15	1223360091	Phan Hoài Minh	26/12/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		4.7		5.6	Đạt
16	1223360079	Nguyễn Hoàng Mỹ	02/05/2007	01TM15C1	7.0	8.0	7.7		2.9		4.8	Đạt
17	1223360054	Hà Hoài Nam	27/08/2004	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
18	1223360092	Lê Trọng Nghĩa	06/12/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		1.8		3.9	Thi lại
19	1223360239	Phan Thanh Phong	19/10/2007	01TM15C1	7.0	6.0	6.3		3.1		4.4	Đạt
20	1223360208	Nguyễn Thanh Phúc	04/10/2007	01TM15C1	8.0	7.0	7.3		3.1		4.8	Đạt
21	1223360258	Đỗ Kim Phúc	28/07/2006	01TM15C1	7.0	8.0	7.7		6.2		6.8	Đạt
22	1223360236	Hồ Văn Phước	07/11/2007	01TM15C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt
23	1223360116	Lê Hoàng Quân	24/01/2007	01TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
24	1223360107	Thượng Văn Quý	17/11/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
25	1223360255	Trương Đình Quý	24/03/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		4.7		5.6	Đạt
26	1223360005	Nguyễn Tấn Sang	02/07/2004	01TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
27	1223360050	Đoàn Duy Tân	05/01/2007	01TM15C1	7.0	6.0	6.3		5.8		6.0	Đạt
28	1223360113	Phan Kim Tiến	11/04/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		5.1		5.9	Đạt
29	1223360179	Trần Ngọc Thiện	02/10/2007	01TM15C1	7.0	7.0	7.0		3.3		4.8	Đạt
30	1223360190	Lâm Quốc Thịnh	03/12/2007	01TM15C1	7.0	6.0	6.3		6.0		6.1	Đạt
31	1223360045	Trần Nguyễn Quốc Thuận	14/09/2007	01TM15C1	7.0	6.0	6.3		5.1		5.6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
32	1223360015	Kim Sang	Trọng	24/07/2006	01TM15C1	8.0	8.0	8.0		6.9		7.3	Đạt
33	1223360199	Nguyễn Thành	Trung	08/06/2007	01TM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
34	1223240082	Nguyễn Hoài	Vinh	30/04/1999	01TM15A1	8.0	9.0	8.7		5.3		6.6	Đạt
35	1223360200	Võ Phan Thanh	Tùng	23/10/2007	01TM15A1	8.0	6.0	6.7		2.7		4.3	Đạt
36	1223240014	Trần Nhật	Tài	26/01/2002	01TM15A1	7.0	6.0	6.3		6.2		6.3	Đạt